TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2019/DS-PT Ngày: 05-11-2019 V/v Tranh chấp đất đai về đòi đất bị lấn chiếm	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền
Bà Nguyễn Thị Bích Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp đất đai về đòi đất bị lấn chiếm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1980; chị Ngô Thị H, sinh năm 1983, Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện cư trú tại: Số 76, ngõ 193, ngách 64, đường P, quận B, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hữu T: Bà Nguyễn Thị B.
Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị H: Ông Lê Hữu V.
Đều trú tại: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Lê Hữu V, sinh năm 1949; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949;
Đều trú tại: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
+ Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V - Phó Chủ tịch UBND huyện H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện H
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu P - Phó chủ tịch UBND xã Hương Xuân, có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H - Cán bộ UBND xã H; địa chỉ: Xóm V, xã Hương X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Bà Đinh Thị T, ông Trần Hậu Q; địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 119 đường T, tổ 31, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; Bà T có mặt, ông Q vắng mặt.

- Anh Cao Xuân T; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Năm 2014, Nhà nước có chủ trương chính sách giao đất với giá ưu đãi, hỗ trợ làm nhà ở cho đối tượng chất độc da cam gián tiếp nên chị đã làm hồ sơ xin cấp đất và hoàn thành hồ sơ năm 2014. Đến ngày 27/3/2018 chị được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụnh đất số CM857058; thửa đất số 07; tờ bản đồ Quy hoạch xen dắm dân cư; diện tích 392m^2; tại xóm V, xã H, huyện H; có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường liên xóm, Phía Tây giáp ô đất số 06 của anh Lê Hữu T, Phía Đông giáp ô đất số 08 anh Phan Văn G, phía Nam giáp vườn anh Cao Xuân Tình. Nhưng hiện nay anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H có hành vi xây dựng hàng rào, cổng, sân trên phần diện tích đất chị được cấp. Mặc dù, chị đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị H tháo dỡ các công trình trên đất, trả lại mặt bằng cho chị nhưng anh T, chị H không thực hiện nên chị đã làm đơn gửi đến UBND xã H giải quyết và đã được UBND xã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Hữu T và chị Ngô Thị H tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất chị được cấp, trả lại mặt bằng đất lấn chiếm cho chị theo như kết quả thẩm định là 224m^2 chiều rộng 08m, chiều dài 28m.

Bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H và người đại diện của bị đơn trình bày:

Đầu năm 2014, xã Hương X có chủ trương giao các lô đất quy hoạch xen dắm dân cư tại xóm V, xã H, được chính quyền địa phương đề nghị và tạo điều kiện, bố mẹ anh T là ông Lê Hữu V, bà Nguyễn Thị B có giao lại một thửa đất do gia đình khai hoang cho địa phương quản lý, để được mua thửa đất số 06 liền giáp với thửa đất thổ cư hiện gia đình đang sử dụng. Do nhu cầu của gia đình mong muốn có không gian rộng để xây nhà, làm vườn trong khi vợ chồng anh chỉ được đứng tên mua một ô đất, nên anh có nhờ em gái là chị Lê Thị N đứng tên mua giúp cho thửa đất số 07 liền kề với thửa đất số 06, mọi khoản tiền, đóng góp để nhận chuyển nhượng hai thửa đất này đều do vợ chồng anh nộp cho chính quyền địa phương, người trực tiếp thu tiền giai đoạn đó là ông Nguyễn Văn H cán bộ xã, rồi nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước huyện H. Việc nhờ chị N đứng tên mua giúp thửa đất nêu trên được rất nhiều người trong gia đình và dòng họ chứng kiến. Do tin tưởng đối với người em ruột là chị Lê Thị N nên tại thời điểm mua thửa đất này không làm giấy tờ gì cho nhau để làm bằng chứng. Đến tháng 05/2016, chị H mới đề nghị chị N viết giấy chuyển nhượng lô đất này cho vợ chồng anh chị, việc ký giấy tờ này có bà Đinh Thị T và ông Trần Hậu Q là người làm chứng và cùng ký tên vào văn bản này. Cùng thời điểm này, vợ chồng anh chị cũng tiến hành xây dựng hàng rào và xây lát cổng trên phần đất

thuộc thửa đất số 07. Tuy nhiên, do chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gia đình chưa hoàn thiện tiếp các thủ tục sang tên chuyển nhượng đất cho nhau theo đúng quy định. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị được tiếp tục sử dụng các công trình trên ô đất số 07. Đồng thời bị đơn sẽ trả lại giá trị đất bằng tiền theo định giá cho chị Lê Thị N và tự nguyện hỗ trợ thêm cho chị Lê Thị N số tiền 50.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu V, bà Nguyễn Thị B trình bày thống nhất với ý kiến của bị đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H trình bày: Năm 2014, thực hiện kế hoạch phát triển quỹ đất, UBND xã H xây dựng phương án, được UBND huyện phê duyệt, UBND xã thông báo các hộ dân có nhu cầu, đủ điều kiện được giao đất có thu tiền tại địa phương. Sau khi nhận đơn, UBND xã đã xét giao đất cho 33 hộ, trong đó có hộ bà Lê Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã H, chưa được giao đất, đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện việc giao đất có thu tiền sử dụng đất và được xét giao ô đất số 07, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500, được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 với diện tích 392,0m^2 tại khu vực sau UBND xã, thuộc thôn V, xã H; mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn 392,0m^2; thời hạn sử dụng đất: Lâu dài. Sau khi xét duyệt các hộ đủ điều kiện, UBND xã H hoàn thiện hồ sơ trình Phòng Tài nguyên và môi trường thẩm định đủ điều kiện và tham mưu cho UBND huyện ban hành Quyết định số 10288/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc giao lô đất số 07 cho bà Lê Thị N, diện tích 392,0m^2. Theo đó, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H đã lập Phiếu chuyển thông tin địa chính số 352 chuyển cho Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và thông báo cho bà Lê Thị N biết để thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất, bà Lê Thị N đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ nộp chứng từ về Phòng Tài nguyên và Môi trường. Ngày 27/3/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất số CM 857058 cho bà Lê Thị N theo Quyết định 2116/QĐ-UBND và bàn giao cho UBND xã để trao giấy CNQSD đất cho hộ dân theo quy định. Việc giao đất, cấp giấy CNQSD đất cho hộ bà Lê Thị N đối với lô đất số 07, diện tích 392,0m^2 tại khu vực sau UBND xã, thuộc thôn V, xã H là đảm bảo theo quy định về quy trình, thủ tục giao đất, cấp giấy CNQSD đất. Đối với ý kiến của chị N về một số tài liệu trong hồ sơ giao đất không phải chữ ký của chị, đại diện UBND huyện cho rằng không ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng được giao đất là chị Lê Thị N. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện UBND huyện có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định có tình có lý để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, tránh gây lãng phí cho xã hội, nhằm đảm bảo ổn định tình hình địa phương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã H, huyện H trình bày: Năm 2014 UBND xã H có kế hoạch giao đất có thu tiền tại khu vực đất sau UBND xã H. Đối tượng được xét giao đất là các hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa được giao đất ở, có nhu cầu sử dụng đất ở tại địa phương. Hội đồng tư vấn giao đất UBND xã H đã xét giao đất cho 33 hộ gia đình, trong đó hộ anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H được xét giao lô đất số 06 và hộ

chị Lê Thị N được xét giao lô số 07. Việc hoàn thiện thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng được giao đất đảm bảo đúng quy định. Vào năm 2016 chính quyền địa phương có biết việc anh T, chị H và gia đình ông V, bà B xây dựng cổng, hàng rào mở rộng khuôn viên vườn và trong nội bộ gia đình con cái có thỏa thuận chuyển nhượng đất với nhau để đảm bảo tính pháp lý khi xây dựng; chính quyền địa phương không thấy ai có ý kiến phản ánh khiếu nại, nên mới đồng ý để cho gia đình ông Viên xây dựng các công trình này. Đối với ý kiến chị N cho rằng một số chữ ký trong hồ sơ giao đất là không phải của chị thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ giấy chứng nhận và thu hồi ô đất đã cấp cho chị N. Về ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện chính quyền địa phương đề nghị xét xử có tình có lý, đảm bảo ổn định tình hình địa phương.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 28-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 168; Điều 188 của Luật Đất đai. Điều 160; 164; 166; 169; 579; 580 của Bộ luật Dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N. Buộc bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn chị Lê Thị N giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp với số tiền là 25.056.640 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

2. Bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu V, bà Nguyễn Thị B được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất 224m^2 và tài sản trên đất tại khu vực sau UBND xã, thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc ô số 07, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500, được phê duyệt theo Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 mang tên chị Lê Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857058 ngày 27/3/2018, có ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc rộng 08m giáp đường xóm (từ điểm số 2 đến điểm số 1.1); Phía Đông dài 28m giáp phần đất còn lại không tranh chấp của chị N (từ điểm 1.1 đến điểm 1.2); Phía Nam rộng 08m giáp đất vườn ông V, bà B trên thực địa và theo Bản đồ quy hoạch là giáp đường quy hoạch (từ điểm số 1.2 đến điểm số 5); Phía Tây dài 28m giáp ô đất số 06 của anh T, chị H (từ điểm số 5 đến điểm số 2).

Chị Lê Thị N được quyền sử dụng diện tích 168m^2 đất còn lại không tranh chấp tại khu vực sau UBND xã, thôn Vĩ, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc ô số 07, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500, được phê duyệt theo Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 mang tên chị Lê Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857058 ngày 27/3/2018, có ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc rộng 06m giáp đường xóm (từ điểm 1.1 đến điểm số 3); Phía Đông dài 28m giáp ô đất số 08 của ông Phan Thanh G (từ điểm số 3 đến điểm số

4); Phía Nam rộng 06m giáp vườn anh Cao Xuân T trên thực địa và theo Bản đồ quy hoạch là giáp đường quy hoạch (từ điểm số 4 đến điểm số 1.2); Phía Tây dài 28m giáp diện tích đất bị đơn được sử dụng (từ điểm số 1.2 đến điểm số 1.1).

Các Đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857058 ngày 27/3/2018 cho phù hợp với quyết định của bản án đã tuyên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 29/8/2019, nguyên đơn chị Lê Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 16/10/2019 nguyên đơn có đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trần Hậu Q, bà Đinh Thị T trên giấy chuyển nhượng; giám định chữ ký trên giấy phép xây dựng công trình, mặt đường bê tông, hàng rào do anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H xin tại UBND xã Hương X và giám định chữ ký của ông Lê Hữu V ký nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc hỗ trợ thêm cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đ và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp đất đai và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 2014, thực hiện kế hoạch phát triển quỹ đất, UBND xã H xây dựng phương án và được UBND huyện phê duyệt, UBND xã thông báo các hộ dân có nhu cầu, đủ điều kiện được giao đất có thu tiền tại địa phương. Chị Lê Thị N có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa được giao đất ở nên làm đơn xin giao đất và được UBND xã H xét giao ô đất số 07, diện tích 392m^2 tại khu vực sau UBND xã, thuộc thôn Vĩnh T, xã H. Sau khi hoàn thiện các thủ tục hồ sơ, ngày 31/12/2015 UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 10288/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ chị Lê Thị N với diện tích 392m^2, thuộc ô số 07, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500, được

phê duyệt theo Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 25/12/2007. Đến ngày 27/3/2018, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM857058 cho chị Lê Thị N theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND.

Thời điểm này vợ chồng anh Lê Hữu T (anh trai chị N) và chị Ngô Thị H cũng thuộc đối tượng được giao đất tại địa phương đã tiến hành các thủ tục và được giao ô đất số 06, diện tích 392m^2 (giáp liền kề với ô số 07). Do nhu cầu mở rộng khuôn viên vườn cho bố mẹ là ông Lê Hữu V, bà Nguyễn Thị B để đi ra đường chính liên thôn cho thuận tiện nên sau khi có quyết định giao đất, vợ chồng anh T, chị H đã sử dụng ô đất số 06 của mình được giao để mở rộng vườn, xây hàng rào bao quanh; Đồng thời, vợ chồng anh T xây cổng, hàng rào và sân vườn trên một phần ô đất số 07 của chị Lê Thị N được giao. Năm 2018 sau khi biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vẫn mang tên mình tại ô đất được giao, nguyên đơn chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản xây dựng lấn chiếm trên ô đất số 07 để trả lại mặt bằng đất cho nguyên đơn.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Năm 2014 chị Lê Thị N làm hồ sơ đề nghị cấp đất và ngày 27/3/2018 được UBND huyện H giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ô đất số 07, diện tích 392m^2. Việc giao đất đảm bảo đúng đối tượng được giao đất. Do đó, việc anh T, chị H, ông V và bà B trình bày vì lý do vợ chồng anh T, chị H chỉ được đứng tên mua một ô đất nên đã nhờ chị Lê Thị N đứng tên để được mua ô đất số 07 và số tiền nộp vào ngân sách Nhà nước mang tên chị N là của anh T, chị H là không có cơ sở. Vì vậy, việc bị đơn anh T, chị H có hành vi xây dựng các công trình, hàng rào, sân để mở rộng khuôn viên cho gia đình ông V, bà B đã lấn chiếm trên một phần ô đất số 07 được cấp cho chị Lê Thị N là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn có trình bày trước khi bị đơn xây dựng các công trình cổng, hàng rào thì ngày 30/5/2016 chị N đã viết "Đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất" nên bị đơn mới xây dựng và đề nghị giám định chữ viết của chị N trong giấy này. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm mặc dù chị N có thừa nhận chữ viết và chữ ký trong đơn chuyển nhượng là do chị viết, tuy nhiên xét thời điểm ngày 30/5/2016 chị N chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đến năm 2018 chị mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị N chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Hơn nữa "Đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất" không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không có giá trị pháp lý và chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn căn cứ vào "Đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đề ngày 30/5/2016 giữa anh T và chị N để tiến hành xây dựng các công trình như cổng và hàng rào trên ô đất được giao cho chị N là không có cơ sở. Do đó chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị H di dời toàn bộ tài sản đã xây dựng trên phần đất của chị N và trả lại mặt bằng cho chị là hoàn toàn có căn cứ.

Tuy nhiên, xét thời điểm anh T xây dựng các công trình trên phần đất đang tranh chấp thì mẹ con chị N đang ở cùng nhà với ông V, bà B nên chị phải

biết rõ sự việc xây dựng của anh T nhưng chị N không có ý kiến gì phản đối nên mặc nhiên chị đồng ý và thừa nhận việc sử dụng đất của anh T. Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2019 và tại phiên toà đại diện UBND xã H cho biết năm 2016 chính quyền địa phương có biết việc các thành viên trong gia đình ông V, bà B có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho nhau; sự việc gia đình ông V, bà B xây dựng các công trình cổng, hàng rào mở rộng khuôn viên vườn đã báo với chính quyền địa phương, chính quyền đã cử cán bộ về đo đạc cắm mốc giới; trong thời gian đó chính quyền địa phương không nhận được ý kiến phản ánh khiếu nại của ai, nên chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì.

Theo kết quả thẩm định và định giá tài sản cho thấy tài sản xây dựng trên đất bao gồm cổng, hàng rào, sân vườn mà bị đơn đã xây dựng là rất kiên cố và có giá trị là 244.970.000 đồng lớn hơn gần gấp 10 lần giá trị đất đang tranh chấp là 25.056.640 đồng. Nếu buộc bị đơn phải di dời tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho nguyên đơn sẽ làm mất giá trị tài sản, gây lãng phí và gây dư luận không tốt, làm ảnh hưởng đến ổn định tình hình chính trị tại địa phương. Hơn nữa, trong vụ án này nguyên đơn, bị đơn đều là anh em ruột trong một gia đình, bị đơn xây dựng các công trình này không trực tiếp sử dụng mà để cho bố mẹ của nguyên đơn, bị đơn sử dụng. Vì vậy, cấp sơ thẩm giao cho bị đơn, gia đình ông V, bà B được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp đồng thời buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền cho nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn cho nguyên đơn về giá trị giảm sút của diện tích đất được cấp với số tiền 50.000.000 đồng, là đảm bảo thấu tình đạt lý và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Tại phiên toà phúc thẩm phía bị đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đồng, ngoài số tiền tự nguyện hỗ trợ 50.000.000đồng tại cấp sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn đối với bị đơn, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị N tại đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đề ngày 16/10/2019 thấy rằng việc giám định không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị N là đối tượng được giao đất. Do đó việc giám định chữ ký, chữ viết mà chị Lê Thị N yêu cầu là không cần thiết.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Cần chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ thêm của bị đơn đối với nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn.

[3] Về án phí: Xét thấy chị Lê Thị N thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp chất độc màu Da Cam. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Nhạc được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc hỗ trợ thêm cho nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DSST ngày 28-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 168; Điều 188 của Luật Đất đai. Điều 160; 164; 166; 169; 579; 580 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N. Buộc bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn chị Lê Thị N giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp với số tiền là 25.056.640 *(Hai mươi lăm triệu, không trăm năm sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng)*. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn cho nguyên đơn số tiền 75.000.000 *(Bảy mươi lăm triệu đồng)*.

2. Bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu V, bà Nguyễn Thị B được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất 224m^2 và tài sản trên đất tại khu vực sau UBND xã, thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc ô số 07, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500, được phê duyệt theo Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 mang tên chị Lê Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857058 ngày 27/3/2018, có ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc rộng 08m giáp đường xóm (từ điểm số 2 đến điểm số 1.1); Phía Đông dài 28m giáp phần đất còn lại không tranh chấp của chị N (từ điểm 1.1 đến điểm 1.2); Phía Nam rộng 08m giáp đất vườn ông V, bà B trên thực địa và theo Bản đồ quy hoạch là giáp đường quy hoạch (từ điểm số 1.2 đến điểm số 5); Phía Tây dài 28m giáp ô đất số 06 của anh T, chị H (từ điểm số 5 đến điểm số 2).

Chị Lê Thị N được quyền sử dụng diện tích 168m^2 đất còn lại không tranh chấp tại khu vực sau UBND xã, thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc ô số 07, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500, được phê duyệt theo Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 mang tên chị Lê Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857058 ngày 27/3/2018, có ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc rộng 06m giáp đường xóm (từ điểm 1.1 đến điểm số 3); Phía Đông dài 28m giáp ô đất số 08 của ông Phan Thanh G (từ điểm số 3 đến điểm số 4); Phía Nam rộng 06m giáp vườn anh Cao Xuân T trên thực địa và theo Bản đồ quy hoạch là giáp đường quy hoạch (từ điểm số 4 đến điểm số 1.2); Phía Tây dài 28m giáp diện tích đất bị đơn được sử dụng (từ điểm số 1.2 đến điểm số 1.1).

(Có sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo bản án sơ thẩm).

Đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857058 ngày 27/3/2018 cho phù hợp với quyết định của bản án đã tuyên.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn chị Lê Thị N số tiền 4.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Bị đơn anh Lê Hữu T, chị Ngô Thị H phải chịu 1.252.832 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên đơn chị Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Hương Khê;
- Chi cục THA.DS huyện Hương Khê;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang